

AbSo-292-P125



Model: **AH13-610x610x292-10/22-125**

AH13: Lọc Absolute, Cấp độ lọc theo EN1822

610x610x292: Kích thước WxLxD mm

10/22: Gioăng mặt gió vào / lưới bảo vệ hai mặt

125: Độ dày nếp gấp mm

Mã MGT: HF13GRE2PG-610x610x292

ỨNG DỤNG

- Bộ lọc absolute EPA-HEPA.
- Hệ thống thông gió phòng sạch.
- Sử dụng trong ngành vi điện tử, thực phẩm, nhiếp ảnh, trung tâm dữ liệu, bệnh viện và công nghiệp thiết bị y tế.

Bộ lọc tuyệt đối cho dòng khí rối

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Lưới bảo vệ: Cả hai mặt

Loại gioăng: Polyurethane

Vị trí gioăng: Mặt gió vào

Giai đoạn lọc: III-IV

Hiệu suất hạt MPPS EN 1822:

E10 ($\geq 85\%$), E11 ($\geq 95\%$), E12 ($\geq 99.5\%$),
H13 ($\geq 99.95\%$), H14 ($\geq 99.995\%$)

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối: 600 Pa

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
AH13-305x305x292-10/22-125	143001ESM	HF13GRE2PG	305x305x292	H13	125	5.5	575	250	6
AH13-305x610x292-10/22-125	143002ESM	HF13GRE2PG	305x610x292	H13	125	11.25	1150	250	10
AH13-457x457x292-10/22-125	143003ESM	HF13GRE2PG	457x457x292	H13	125	12.5	1270	250	11.5
AH13-457x610x292-10/22-125	143004ESM	HF13GRE2PG	457x610x292	H13	125	16.8	1700	250	12
AH13-610x610x292-10/22-125	143005ESM	HF13GRE2PG	610x610x292	H13	125	22.5	2300	250	13.2
AH13-610x762x292-10/22-125	143006ESM	HF13GRE2PG	610x762x292	H13	125	28	2850	250	14.85
AH13-610x915x292-10/22-125	143007ESM	HF13GRE2PG	610x915x292	H13	125	33.75	3400	250	19
AH14-305x305x292-10/22-125	143008ESM	HF14GRE2PG	305x305x292	H14	125	5.5	525	250	6
AH14-305x610x292-10/22-125	143009ESM	HF14GRE2PG	305x610x292	H14	125	11.25	1050	250	10
AH14-457x457x292-10/22-125	143010ESM	HF14GRE2PG	457x457x292	H14	125	12.5	1150	250	11.5
AH14-457x610x292-10/22-125	143011ESM	HF14GRE2PG	457x610x292	H14	125	16.8	1550	250	12
AH14-610x610x292-10/22-125	143012ESM	HF14GRE2PG	610x610x292	H14	125	22.5	2100	250	13.2
AH14-610x762x292-10/22-125	143013ESM	HF14GRE2PG	610x762x292	H14	125	28	2600	250	14.85
AH14-610x915x292-10/22-125	143014ESM	HF14GRE2PG	610x915x292	H14	125	33.75	3150	250	19
AE10-305x305x292-10/22-125	143051ESM	HF10GRE2PG	305x305x292	E10	125	5.5	1000	250	6
AE10-305x610x292-10/22-125	143052ESM	HF10GRE2PG	305x610x292	E10	125	11.25	2000	250	10
AE10-457x457x292-10/22-125	143053ESM	HF10GRE2PG	457x457x292	E10	125	12.5	2250	250	11.5
AE10-457x610x292-10/22-125	143054ESM	HF10GRE2PG	457x610x292	E10	125	16.8	3000	250	12
AE10-610x610x292-10/22-125	143055ESM	HF10GRE2PG	610x610x292	E10	125	22.5	4000	250	13.2
AE10-610x762x292-10/22-125	143056ESM	HF10GRE2PG	610x762x292	E10	125	28	5000	250	14.85
AE10-610x915x292-10/22-125	143057ESM	HF10GRE2PG	610x915x292	E10	125	33.75	6000	250	19

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m²)	Lưu lượng (m³/h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
AE11-305x305x292-10/22-125	143058ESM	HF11GRE2PG	305x305x292	E11	125	5.5	800	250	6
AE11-305x610x292-10/22-125	143059ESM	HF11GRE2PG	305x610x292	E11	125	11.25	1600	250	10
AE11-457x457x292-10/22-125	143060ESM	HF11GRE2PG	457x457x292	E11	125	12.5	1800	250	11.5
AE11-457x610x292-10/22-125	143061ESM	HF11GRE2PG	457x610x292	E11	125	16.8	2400	250	12
AE11-610x610x292-10/22-125	143062ESM	HF11GRE2PG	610x610x292	E11	125	22.5	3200	250	13.2
AE11-610x762x292-10/22-125	143063ESM	HF11GRE2PG	610x762x292	E11	125	28	4000	250	14.85
AE11-610x915x292-10/22-125	143064ESM	HF11GRE2PG	610x915x292	E11	125	33.75	4800	250	19
AE12-305x305x292-10/22-125	143065ESM	HF12GRE2PG	305x305x292	E12	125	5.5	625	250	6
AE12-305x610x292-10/22-125	143066ESM	HF12GRE2PG	305x610x292	E12	125	11.25	1250	250	10
AE12-457x457x292-10/22-125	143067ESM	HF12GRE2PG	457x457x292	E12	125	12.5	1400	250	11.5
AE12-457x610x292-10/22-125	143068ESM	HF12GRE2PG	457x610x292	E12	125	16.8	1850	250	12
AE12-610x610x292-10/22-125	143069ESM	HF12GRE2PG	610x610x292	E12	125	22.5	2500	250	13.2
AE12-610x762x292-10/22-125	143070ESM	HF12GRE2PG	610x762x292	E12	125	28	3100	250	14.85
AE12-610x915x292-10/22-125	143071ESM	HF12GRE2PG	610x915x292	E12	125	33.75	3750	250	19

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Nhôm, Inox 304, Inox 316.

Vật liệu lọc: Loại chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C).

Loại khung HF: đơn 25/20 mm, đôi 25/20 mm, Kích thước tùy chỉnh.

Lưới bảo vệ: Không lưới, Cả hai mặt.

Loại gioăng: Không gioăng, Cao su, EPDM, Gioăng chịu nhiệt cao.

Vị trí gioăng: Không có, Mặt gió ra, Cả hai mặt.

Kích thước khác theo yêu cầu

Chênh áp ± 15%

Chứng nhận vệ sinh: Lọc HEPA | VDI 6022 Blatt 1:2018, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

**Nếp gấp sâu (Deep pleat)
Lưu lượng khí cao
Chênh áp thấp**

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT